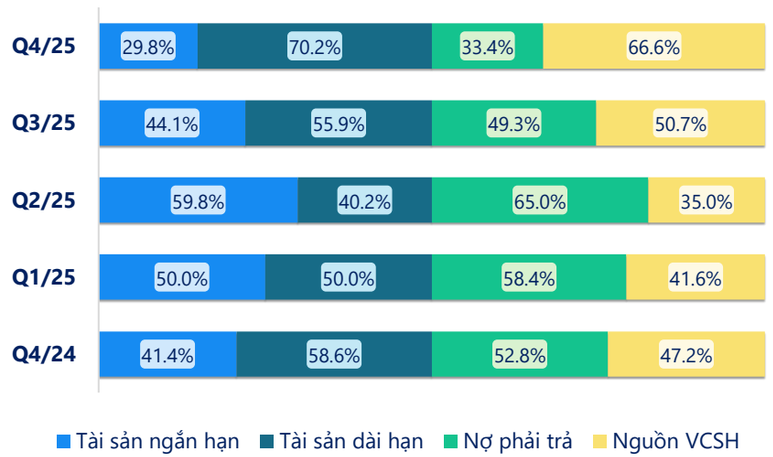
FireAnt

CTCP DIC - Đồng Tiến (UPCOM: DID)

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	3,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	4,900
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	3,700
SL cổ phiếu LH	15,622,552
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,195
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	61
P/E	33.5
EPS	116

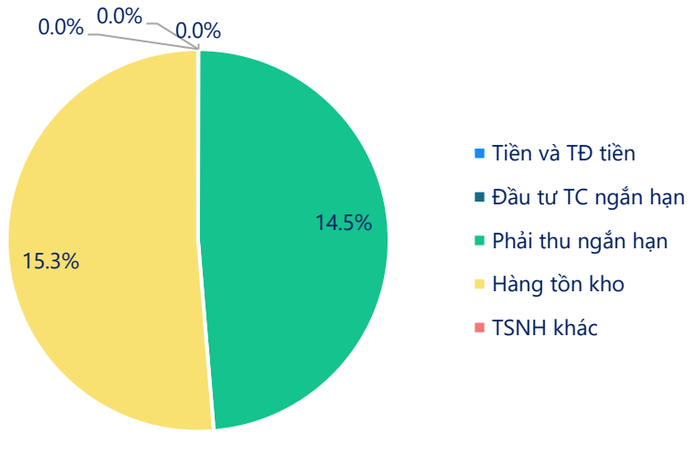
	YTD	1T	3T	6T
DID	-9.3%	-4.9%	-7.1%	-9.3%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



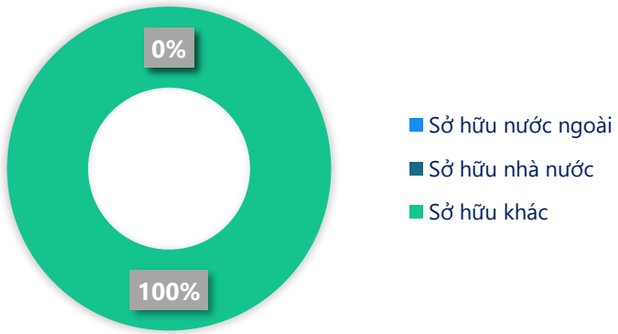
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



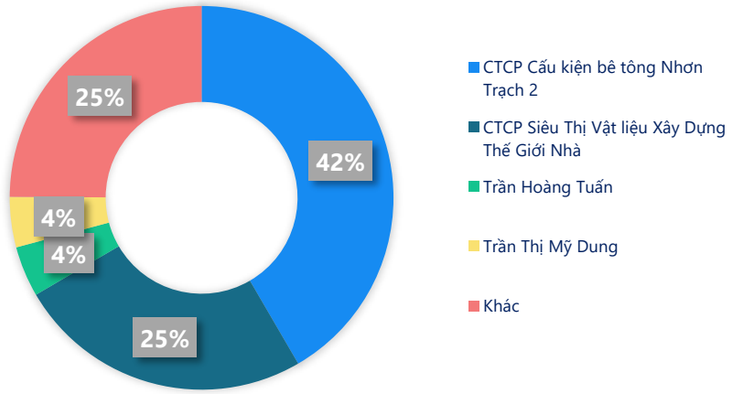
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



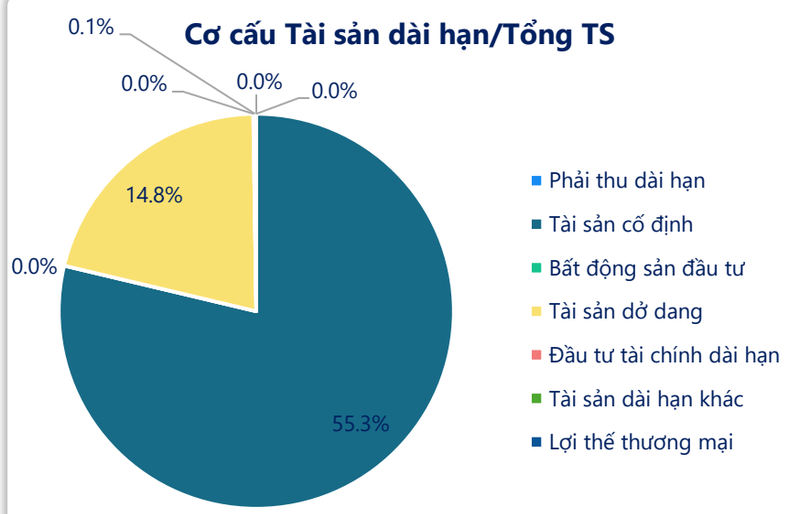
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

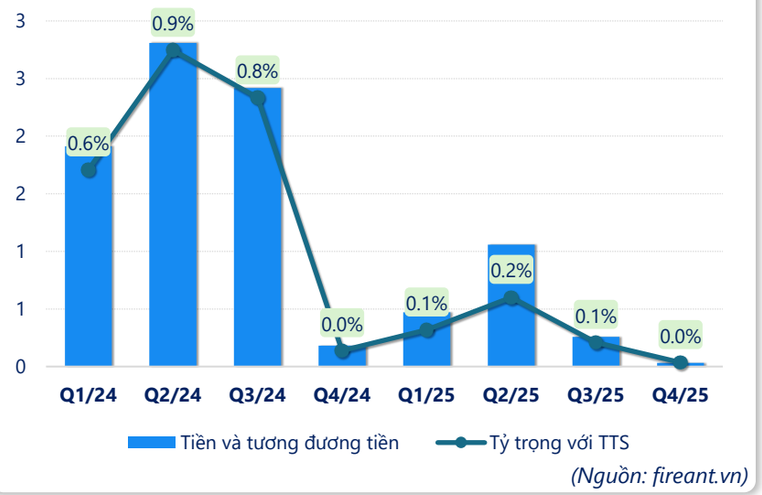


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

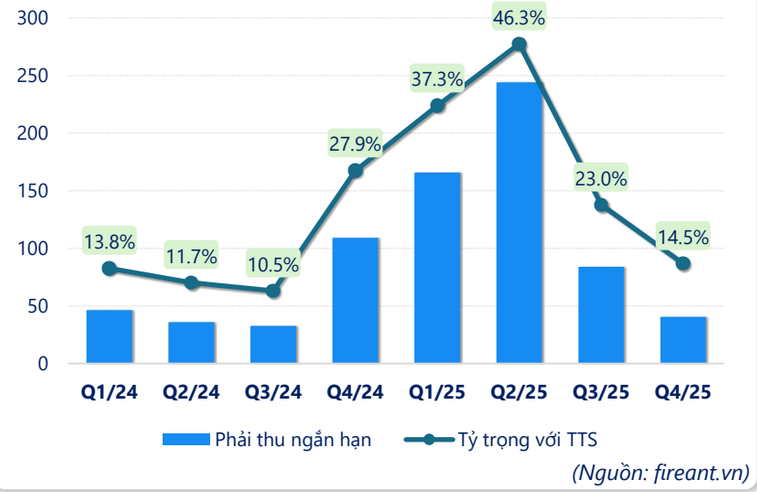
CTCP DIC - Đồng Tiến (UPCOM: DID)

Tiền và tương đương tiền



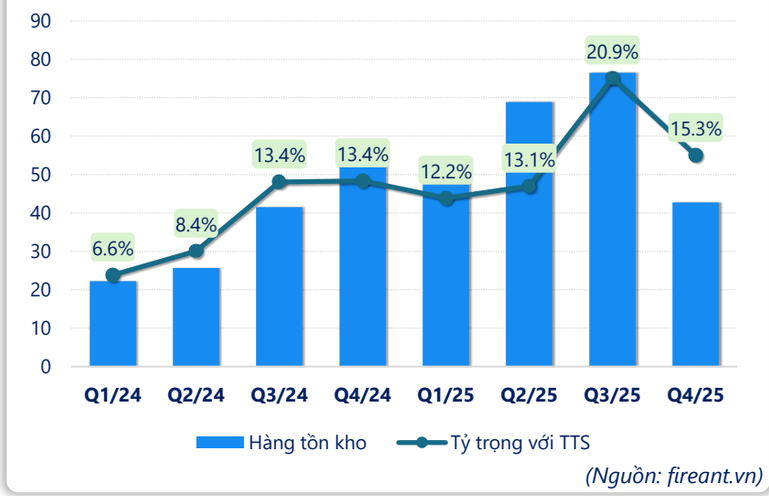
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



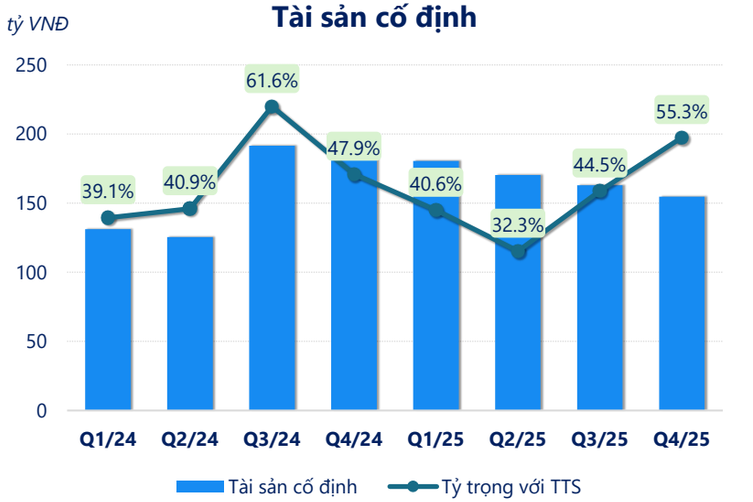
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



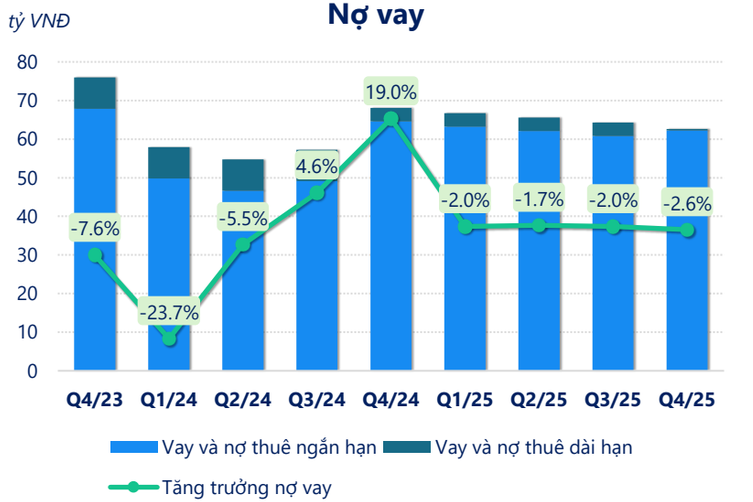
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



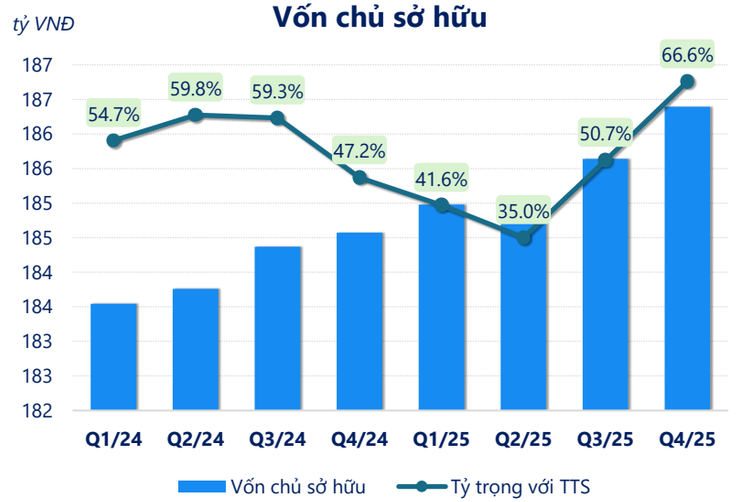
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

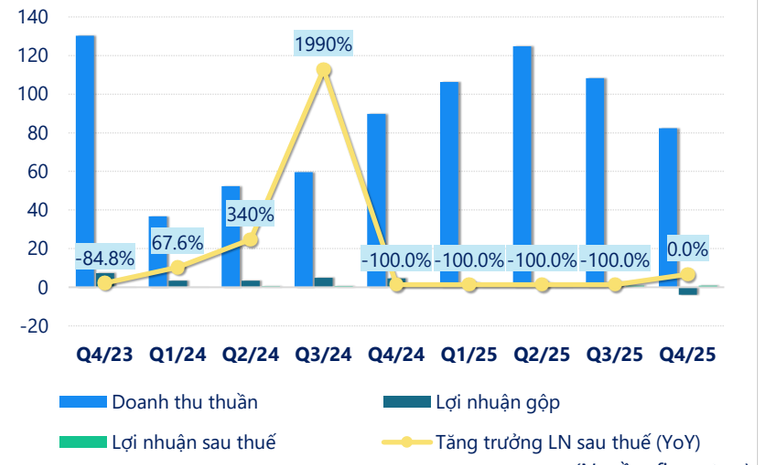
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

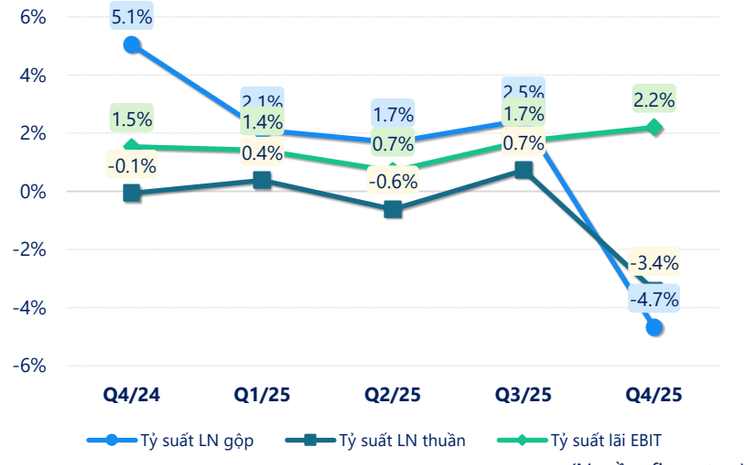
CTCP DIC - Đồng Tiến (UPCOM: DID)

Kết quả kinh doanh



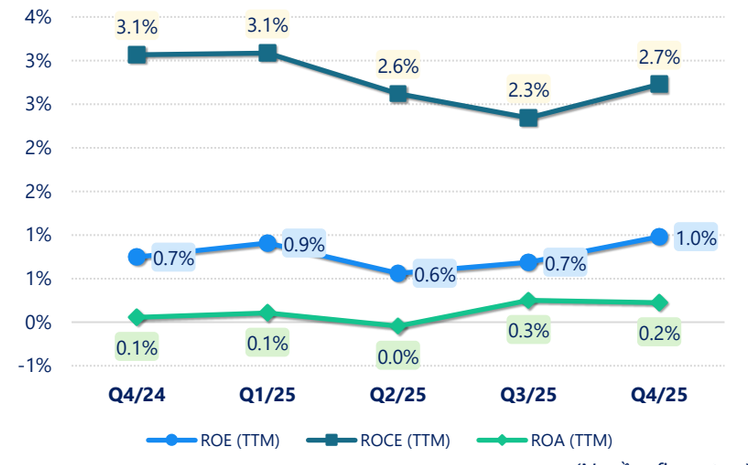
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



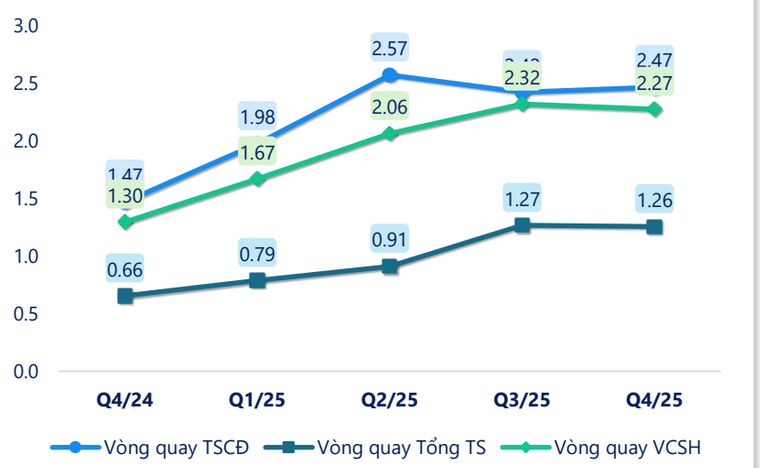
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



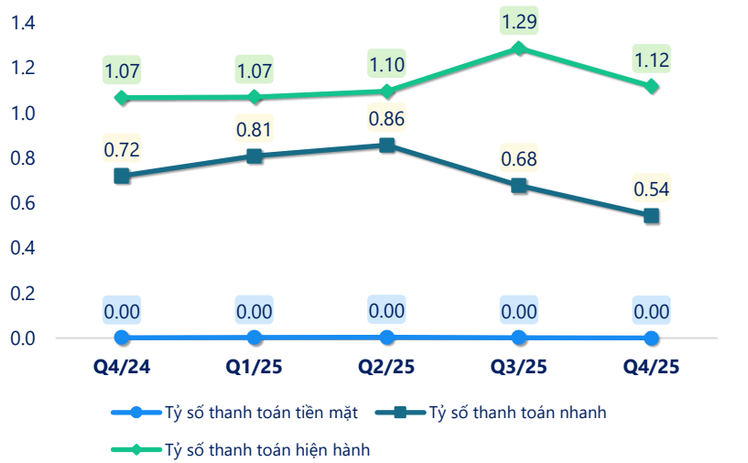
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



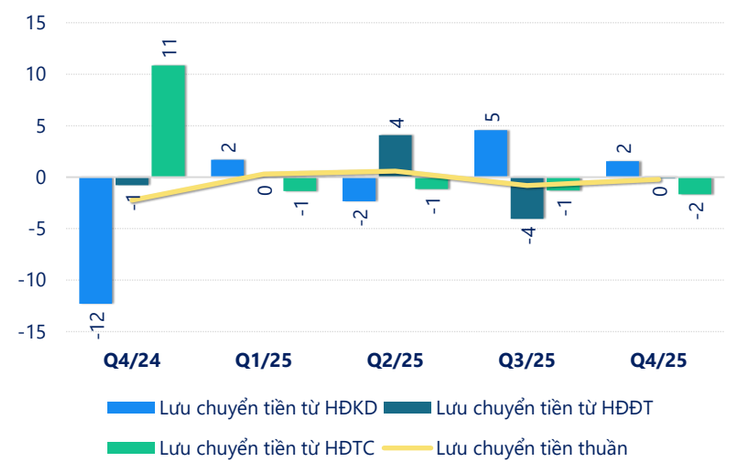
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP DIC - Đồng Tiến (UPCOM: DID)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**280**	**391**	**-28.5%**
Tài sản ngắn hạn	83.3	162	-48.6%
Tiền và tương đương tiền	0.03	0.18	-81.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	40.5	109	-62.9%
Hàng tồn kho	42.7	52.6	-18.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0.04	-100%
Tài sản dài hạn	**197**	**229**	**-14.3%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	155	187	-17.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	41.4	41.4	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.07	0.08	-18.5%
Tài sản dài hạn khác	**0.42**	**0.63**	**-34.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	93.5	207	-54.8%
Nợ ngắn hạn	**74.5**	**152**	**-50.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	62.2	64.6	-3.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	7.57	83.5	-90.9%
Nợ dài hạn	19.0	55.1	-65.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.40	3.50	-88.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**186**	**185**	**1.0%**
Vốn chủ sở hữu	**186**	**185**	**1.0%**
Vốn điều lệ	156	156	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	89.7	106	125	108	82.4
Giá vốn hàng bán	85.2	104	123	106	86.3
Lợi nhuận gộp	4.53	2.24	2.11	2.65	-3.86
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	1.17	1.11	1.07	1.04	1.01
Chi phí lãi vay	1.17	1.11	1.06	1.02	1.01
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.02	0.02	0.55	0	1.41
Chi phí QLDN	3.40	0.72	1.26	0.83	-3.46
LN thuần từ HĐKD	-0.06	0.40	-0.77	0.79	-2.81
Lợi nhuận khác	0.27	0.01	0.58	0.06	3.62
LN trước thuế	0.21	0.41	-0.19	0.85	0.81
Lợi nhuận sau thuế	0.21	0.41	-0.19	0.85	0.75
LNST của CĐ cty mẹ	0.21	0.41	-0.19	0.85	0.75

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-12.3	1.70	-2.33	4.57	1.55
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.78	-0.05	4.07	-4.06	-0.12
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	10.9	-1.36	-1.15	-1.30	-1.66
Tiền đầu kỳ	2.42	0.18	0.47	1.06	0.26
Lưu chuyển tiền thuần	**-2.24**	**0.29**	**0.59**	**-0.80**	**-0.22**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	0.18	0.47	1.06	0.26	0.03

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic